

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 27 - 6 - 2024
“V/v: Tranh chấp
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hương

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Tiến Dũng và bà Điều Thị Bích Lượ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLPT- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 06/2024/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2024/QĐXXPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ B, khu C, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T: Ông Nguyễn Quốc T1 - Luật sư Văn phòng L - Đoàn luật sư tỉnh P (có mặt).

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Minh H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ B, khu C, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Ông Chu Văn Q - Luật sư Công ty L1 - Đoàn luật sư tỉnh P (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Anh T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Đỗ Thị Minh H kết hôn ngày 20/4/2007, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ tháng 8/2023 chị H ghen tuông vô cớ, làm đơn tố cáo anh gửi khắp nơi. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc vợ chồng không còn tình cảm, anh T đề nghị ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Anh T2, sinh ngày 29/11/2008 và Nguyễn Quang M, sinh ngày 08/10/2012. Tại buổi hòa giải ngày 12/12/2023, anh T và chị H thỏa thuận chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh cấp dưỡng nuôi hai con 4.000.000đ/tháng và anh T sẽ thanh toán cho chị H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền cấp dưỡng nuôi con 05 tháng từ tháng 8/2023 đến tháng 12/2023.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh T thay đổi quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh T2, chị H nuôi cháu Nguyễn Quang M, anh T không đồng ý thanh toán cho chị H số tiền nuôi con từ tháng 8/2023 đến tháng 12/2023 là 20.000.000đồng.

- *Về tài sản chung, về nợ chung, công sức đóng góp*: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp.

Bị đơn là chị Đỗ Thị Minh H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị nhất trí về thời gian và điều kiện kết hôn như anh T trình bày. Từ khi anh T lên chức lên quyền không còn quan tâm đến gia đình vợ con. Từ tháng 7/2023 đến nay anh T không gửi tiền về cho chị nuôi con. Chị phải đi vay nợ để có tiền nuôi con. Chị cũng xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, chị đồng ý ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Anh Tuấn chị H thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Anh T2, sinh ngày 29/11/2008 và Nguyễn Quang M, sinh ngày 08/10/2012.

Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Anh T2 và cháu Nguyễn Quang M. Chị đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng/02 con chung. Phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng.

Chị H đề nghị anh T thanh toán cho chị số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền nuôi con 05 tháng từ tháng 8/2023 đến tháng 12/2023.

- *Về tài sản chung, về nợ chung, công sức đóng góp*: Chị H xác nhận ngôi nhà đang ở là tài sản riêng của anh T được thừa kế từ bố mẹ đẻ anh T. Chị đề nghị anh T thanh toán công sức sửa chữa nhà ở số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) để chị có tiền lo cho hai con. Chị đã sửa lại phòng khách, sửa nhà vệ sinh, sửa sân phơi để phục vụ cuộc sống gia đình vì nhà đã cũ. Số tiền sửa nhà thực tế nhiều nhưng chị chỉ đề nghị anh T thanh toán cho chị số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Ngày 18/01/2024 chị H đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con là 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng/2 con chung và tổng số tiền bồi thường

về tài sản là 449.814.000đ (B trăm bốn mươi chín triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng), cụ thể:

Tiền tu sửa nhà cửa: 242.122.000đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng);

Tiền thuế đất chị nộp từ khi đến ở nhà từ năm 2011 đến nay là 3.692.000đ (Ba triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng), tiền công sức làm tăng giá trị ngôi nhà 204.000.000đ (Hai trăm linh bốn triệu đồng).

Tại Bản án hôn nhân vụ gia đình số: 06/2024/HNGS-ST ngày 25/01/2024 Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Quyết định:

Áp dụng: Điều 38; Điều 43; Khoản 1, Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Anh T được ly hôn chị Đỗ Thị Minh H.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Anh T2, sinh ngày 29/11/2008 và Nguyễn Quang M, sinh ngày 08/10/2012 cho chị Đỗ Thị Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ 1 tháng/1 con chung x 2 con chung = 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 01/2024, đến khi con chung thành niên; Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Buộc anh T phải thanh toán cho chị H tiền nuôi dưỡng con từ tháng 8/2023 đến tháng 12/2023 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

3. Về tài sản chung vợ chồng, về công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

4. Về công sức đóng góp: Buộc anh T phải thanh toán cho chị H số tiền 18.562.000đ (Mười tám triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung; 1.928.100đ (Một triệu chín trăm hai mươi tám nghìn một trăm đồng) án phí dân sự. Tổng cộng anh T phải chịu 2.528.100đ (Hai triệu năm trăm hai mươi tám nghìn một trăm đồng) án phí sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2023/0004351 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, còn phải nộp 2.228.100đ (Hai triệu hai trăm hai mươi tám nghìn một trăm đồng) án phí sơ thẩm.

Bản án còn tuyên lãi suất chậm trả và quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, bị đơn chị Đỗ Minh H có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/HNGĐ-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ các nội dung như sau:

1. Không được tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo đơn đề nghị tạm đình chỉ của chị.

2. Đề nghị thực hiện quyền lưu cư cho chị trong thời gian 06 tháng sau khi vợ chồng ly hôn. Nếu không thì hỗ trợ chị tiền thuê nơi ở mới trong thời gian 06 tháng tương ứng 36.000.000đồng.

3. Đề nghị tăng mức cấp dưỡng nuôi con lên mức 7.500.000đồng/2con/tháng.

4. Không tổ chức thẩm định tài sản tranh chấp nhưng vẫn đưa ra mức bồi thường là chưa phù hợp, vợ chồng chị trong thời gian chung sống đã đầu tư sửa chữa nhà số tiền 280.000.000 đồng. Nay chị đề nghị phải thanh toán cho chị 1/2 số tiền này tương ứng với số tiền 140.000.000đồng.

5. Đề nghị xem xét công sức đóng góp của chị làm tăng giá trị tài sản riêng là ngôi nhà của anh T số tiền 204.000.000đồng.

6. Đề nghị thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn số tiền 300.000.000đồng.

7. Đề nghị thanh toán số tiền chị đã đóng lệ phí thay số tiền 3.692.000đồng.

Ngày 07/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì kháng nghị bản án dân sự, các nội dung sau:

1. Bản án sơ thẩm giải quyết nhưng vi phạm quyền lưu cư của bị đơn, đề nghị xem xét quyền lưu cư cho bị đơn chị Đỗ Thị Minh H theo quy định của pháp luật.

2. Bản án sơ thẩm vi phạm cách tính án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Bản án sơ thẩm vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng và nghĩa vụ thanh toán công sức đóng góp.

Ngày 21/02/2024, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ ban hành thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2024/QĐ-SCBSBA sửa chữa, bổ sung bản án số 06/2024/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ như sau:

+ Tại dòng thứ 09,10,11 từ trên xuống trang 07 của bản án đã ghi: “nuôi con chung; 1.928.100đ (Một triệu chín trăm hai mươi tám nghìn một trăm đồng) án phí dân sự. Tổng cộng ông T phải chịu 2.528.100đ (Hai triệu năm trăm hai mươi tám nghìn một trăm đồng) án phí sơ thẩm. Xác nhận ông T đã”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

“nuôi con chung; 928.100đ (Chín trăm hai mươi tám nghìn một trăm đồng) án phí dân sự. Tổng cộng ông T phải chịu 1.528.100đ (Một triệu năm trăm hai mươi tám nghìn một trăm đồng) án phí sơ thẩm. Xác nhận ông T đã”

+ Tại dòng thứ 14 từ trên xuống trang 07 của bản án đã ghi:

“Trì, tỉnh Phú Thọ, còn phải nộp 2.228.100đ (Hai triệu hai trăm hai mươi tám nghìn”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

“Trì, tỉnh Phú Thọ, còn phải nộp 1.228.100đ (Một triệu hai trăm hai mươi tám nghìn”

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đỗ Thị Minh H rút một phần kháng cáo như sau:

1. Rút đề nghị Không được tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo đơn đề nghị tạm đình chỉ của chị.

2. Rút đề nghị thanh toán số tiền chị đã đóng lệ phí thay số tiền 3.692.000đồng.

3. Rút đề nghị thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn số tiền 300.000.000đồng.

4. Rút đề nghị thanh toán giá trị tài sản tăng thêm tại ngôi nhà của anh T trong thời gian chị ở tại ngôi nhà số tiền là 204.000.000đồng.

Chi đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: Quyền lưu cư sau khi vợ chồng ly hôn; Đề nghị tăng mức cấp dưỡng nuôi con của anh T đối với cả hai con chung lên 6.000.000đồng/tháng và đề nghị xem xét công sức đóng góp của chị trong thời gian chị ở cùng nhà anh T 1/2 số tiền chi phí sửa chữa nhà, tương ứng số tiền 140.000.000đồng.

Tại phiên tòa, sau khi xét hỏi chị H và anh T đi đến thỏa thuận được cả ba nội dung chị H giữ nguyên kháng cáo như sau:

- Cho chị Đỗ Thị Minh H được quyền lưu cư tại ngôi nhà là tài sản riêng của anh T, tại tổ B, khu C, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, thời gian lưu cư là 06 tháng kể từ khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

- Anh Tuấn tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 6.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 1/2024 đến khi từng con chung thành niên lao động tự túc được.

- Anh Tuấn tự nguyện thanh toán công sức thêm cho chị H trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2024, số tiền 5.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Do tại phiên tòa phúc thẩm, chị H rút một phần nội dung kháng cáo và một số nội dung đã được chị H và anh T thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị gồm: Rút kháng nghị Quyền lưu cư của chị H và rút kháng nghị về nghĩa vụ cấp dưỡng và nghĩa vụ thanh toán công sức đóng góp do các bên đã tự thỏa thuận được với nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ nội dung kháng cáo chị H đã rút và đình chỉ nội dung kháng nghị đã rút. Ghi nhận ba nội dung thỏa thuận của chị H và anh T và giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thành phố Việt Trì đã kháng nghị về buộc thực hiện nghĩa vụ án phí của đương sự tại bản án sơ thẩm do đã sửa chữa sau khi bị kháng nghị và việc sửa chữa không được thực hiện bởi

Hội đồng xét xử không có Hội thẩm nhân dân phối hợp cùng, bản án gốc không thể hiện theo như Tòa án đã sửa chữa.

Về án phí: Đề nghị sửa lại nghĩa vụ án phí sơ thẩm đối với anh T và trả lại án phí dân sự phúc thẩm cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã phân tích và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Thời hạn kháng cáo, hình thức đơn kháng cáo của chị Đỗ Thị Minh H và quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo quy định.

[2] *Xét nội dung kháng cáo của chị Đỗ Thị Minh H thấy rằng:*

2.1. Tại phiên tòa, sau khi xét hỏi chị H đã rút bốn nội dung kháng cáo gồm:

- Rút đề nghị không được tạm đình chỉ giải quyết theo đơn đề nghị tạm đình chỉ của chị;

- Rút đề nghị thanh toán số tiền chị đã đóng lệ phí thay số tiền 3.692.000đồng;

- Rút đề nghị thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn số tiền 300.000.000đồng;

- Rút đề nghị yêu cầu anh T phải thanh toán giá trị tài sản là ngôi nhà của anh T tăng thêm trong thời gian chị ở tại ngôi nhà số tiền 204.000.000đồng.

Xét thấy: Chị H rút bốn nội dung kháng cáo là tự nguyện nên đình chỉ kháng cáo của chị H đối với bốn nội dung chị H đã rút.

2.1. Tại phiên tòa, chị H và anh T đã thỏa thuận các nội dung chị H đã kháng cáo, xét thấy thỏa thuận của anh T và chị H là tự nguyện nên cần công nhận sự thỏa thuận của anh chị như sau:

- *Thỏa thuận về quyền lưu cư như sau:* Anh T và chị H cùng thỏa thuận chị H được quyền lưu cư thời hạn 06 tháng tại ngôi nhà của anh T ở tổ B, khu C, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Thỏa thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như sau.* Anh T và chị H thỏa thuận anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 3.000.000đồng/con/tháng x 2 con = 6.000.000đồng/2con/tháng; thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 01/2024 đến khi từng con chung thành niên lao động tự túc được. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

- *Thỏa thuận về tiền thanh toán công sức đóng góp của chị H trong thời gian chị H ở nhà anh T từ năm 2019 đến năm 2024 như sau:* Anh T thanh toán thêm cho chị H (thêm so với quyết định của bản án sơ thẩm số tiền 18.562.000đồng) là 5.000.000đồng.

[3]. *Xét kháng nghị của VKSND thành phố Việt Trì đối với phần án phí dân sự sơ thẩm thấy rằng:*

3.1. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên rút một phần kháng nghị về quyền lưu cư của chị H và tiền thanh toán công sức của anh T đối với chị H, nên cần chấp nhận.

3.2. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì đề nghị xác định án phí tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì thấy rằng: Ngày 07/02/2024, Viện kiểm sát thành phố V đã kháng nghị về án phí của bản án sơ thẩm. Ngày 21/02/2024, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã có sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm.

Trong khi đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tính số tiền án phí sai số liệu. Nên VKSND thành phố Việt Trì đã kháng nghị là có căn cứ, nên cần chấp nhận, Tòa án cấp sơ thẩm đã sửa chữa bổ sung lại số tiền án phí, nhưng việc sửa chữa không được thực hiện bởi Hội đồng xét xử, không có Hội thẩm nhân dân phối hợp cùng thực hiện, nên việc sửa chữa không đúng quy định của pháp luật nên sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm cho đúng.

[4]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận với nhau về thanh toán công sức nên phải xác định lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với thỏa thuận bổ sung của các đương sự. Như vậy, án phí dân sự sơ thẩm anh T phải chịu là: Án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 300.000đồng, án phí có giá ngạch của số tổng số tiền công sức anh T thanh toán 23.562.000đ (Hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Việc thỏa thuận mới tại cấp phúc thẩm của các đương sự dẫn đến phải sửa lại phần án phí sơ thẩm không phải do lỗi chủ quan của Tòa án cấp sơ thẩm.

[5] *Án phí dân sự phúc thẩm*: Do kháng cáo về của chị H được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

V × c, c lĩ tr^an,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 06/2024/HNGĐ-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm các nội dung kháng cáo của chị Đỗ Thị Minh H sau đây:

2.1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của chị H đề nghị không xét tạm đình chỉ giải quyết vụ án sơ thẩm theo đơn đề nghị tạm đình chỉ của chị.

2.2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của chị H đề nghị anh T thanh toán lệ phí tiền đất chị đã nộp số tiền 3.692.000đồng.

2.3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của chị H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn số tiền 300.000.000đồng.

2.4. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng của chị H yêu cầu anh T thanh toán giá trị tài sản tăng thêm trong thời gian chị ở tại nhà riêng của anh T số tiền 204.000.000đồng.

3. Đình chỉ xét xử các nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ do rút một phần kháng nghị như sau:

3.1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì đề nghị xét xử cho chị Đỗ Thị Minh H được quyền lưu cư sau khi ly hôn.

3.2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì đề nghị xét xử tăng nghĩa vụ thanh toán công sức của anh Nguyễn Anh T đối với chị Đỗ Thị Minh H.

4. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Anh T và chị Đỗ Thị Minh H các nội dung như sau:

4.1. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Anh T và chị Đỗ Thị Minh H về quyền lưu cư của chị H sau khi anh T và chị H ly hôn như sau: Chị Đỗ Thị Minh H được quyền lưu cư tại ngôi nhà thuộc quyền sở hữu riêng của anh Nguyễn Anh T tại địa chỉ: Tổ B, khu C, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

4.2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Anh T và chị Đỗ Thị Minh H về việc cấp dưỡng nuôi con như sau: Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị Đỗ Thị Minh H số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/1 tháng/1 con chung x 2 con chung = 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng)/02 con/tháng; thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01/2024, đến khi từng con chung thành niên lao động tự túc được. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

4.3. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Anh T và chị Đỗ Thị Minh H về việc anh Nguyễn Anh T thanh toán công sức cho chị Đỗ Thị Minh H như sau: Anh T thanh toán công sức cho chị H số tiền chị H đóng góp công sức sửa chữa ngôi nhà là tài sản riêng của anh T, tại địa chỉ: Tổ B, khu C, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2019 số tiền 18.562.000đ (Mười tám triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng) và anh T tự nguyện thanh toán công sức thêm cho chị H trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2023, số tiền 5.000.000đồng. Tổng cộng là 23.562.000đ (Hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 1.178.100đ (Một triệu một trăm bảy mươi tám nghìn một trăm đồng) án phí thanh toán công sức. Tổng cộng anh T phải chịu 1.778.100đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2023/0004351 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, anh T còn phải nộp 1.478.100đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí phúc thẩm: Trả lại cho chị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005586, ngày 07/02/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

7. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP Việt Trì
- Chi cục THADS TP Việt Trì;
- Tòa án nhân dân TP Việt Trì;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hán Hương

